

Số: 1888/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Văn kiện và quyết định đầu tư Dự án
Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn II**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam, giai đoạn II”;

Xét đề nghị của Cục Biến đổi khí hậu tại Tờ trình số 472/TTr-BĐKH ngày 17 tháng 5 năm 2018 và Báo cáo của Vụ Hợp tác quốc tế ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc thẩm định Văn kiện và quyết định đầu tư Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn II;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Văn kiện và quyết định đầu tư Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn II (Văn kiện Dự án kèm theo) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Dự án: Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam, giai đoạn II (tên viết tắt: Dự án HPMP II).



2. Tên nhà tài trợ: Quỹ Đa phương thi hành Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, ủy thác qua Ngân hàng Thế giới.

3. Cơ quan chủ quản: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Chủ Dự án: Cục Biến đổi khí hậu.

5. Thời gian dự kiến thực hiện Dự án: sáu mươi sáu (66) tháng (từ năm 2018 đến năm 2023).

6. Địa điểm thực hiện: Toàn quốc.

7. Nguồn vốn thực hiện

Tổng vốn của Dự án: 17.155.784 USD, trong đó:

7.1. Vốn ODA viện trợ không hoàn lại: 14.644.834 USD.

7.2. Vốn đối ứng: 2.510.950 USD, bao gồm:

- Đối ứng của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

+ Bằng tiền: 60.776 USD, tương đương 1.364.187.000 đồng.

+ Bằng hiện vật quy đổi: 58.808 USD tương đương 1.320.000.000 đồng.

- Đối ứng của doanh nghiệp: ước tính 2.391.366 USD tương đương 53.676.601.236 đồng do các doanh nghiệp tham gia Dự án tự chi trả cho các hạng mục, hoạt động không được Quỹ Đa phương tài trợ.

8. Mục tiêu Dự án

8.1. Mục tiêu chung:

Hỗ trợ Việt Nam loại trừ hoàn toàn tiêu thụ các chất HCFC ở Việt Nam theo đúng lộ trình loại trừ các chất này do Nghị định thư Montreal quy định, bảo đảm để Việt Nam tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ của quốc gia thành viên thi hành Nghị định thư Montreal.

8.2. Mục tiêu cụ thể:

- Bảo đảm để Việt Nam hoàn thành nghĩa vụ giảm 35% mức tiêu thụ cơ sở các chất HCFC từ năm 2020 đến năm 2024;

- Loại trừ hoàn toàn tiêu thụ 1.000 tấn HCFC-22 trong lĩnh vực sản xuất điều hòa không khí gia dụng, lĩnh vực làm lạnh, sản xuất xốp XPS và lĩnh vực dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh;

- Loại trừ hoàn toàn tiêu thụ HCFC-141b trộn sẵn trong polyol trong lĩnh vực sản xuất xốp cách nhiệt;

- Giảm lượng phát thải khí nhà kính từ việc sử dụng các công nghệ thay thế không có tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) và tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP) thấp và cải thiện hiệu suất năng lượng trong lĩnh vực làm lạnh và điều hòa không khí;

- Tăng cường kiểm soát xuất, nhập khẩu các chất HCFC và tuyên truyền phổ biến các công nghệ không sử dụng HCFC trong tất cả các lĩnh vực liên quan;

- Hoàn thành xây dựng văn kiện Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn III (2023 - 2030) trình Quỹ Đa phương xem xét tài trợ cho việc loại trừ hoàn toàn tiêu thụ các chất HCFC ở Việt Nam.

9. Các kết quả chính

9.1. Chuyển đổi công nghệ, kỹ thuật:

- Chuyển đổi công nghệ từ sử dụng HCFC-22 sang HFC-32 hoặc HC-290 cho doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí;

- Chuyển đổi công nghệ từ sử dụng HCFC-22 sang HFC-32, ammoniac, các môi chất lạnh có GWP thấp hoặc bằng 0 cho doanh nghiệp sản xuất thiết bị lạnh;

- Chuyển đổi công nghệ sử dụng HCFC-22 sang sử dụng công nghệ CO2 cho doanh nghiệp sản xuất xốp XPS;

- Chuyển đổi công nghệ sử dụng HCFC-141b trộn sẵn trong polyol sang sử dụng các chất hydrocarbon, HFO cho các doanh nghiệp sản xuất xốp;

- Tăng cường năng lực quản lý và sản xuất theo công nghệ thay thế cho các doanh nghiệp sản xuất điều hòa không khí.

9.2. Quy định, tiêu chuẩn loại trừ HCFC:

- Tiêu chuẩn sử dụng các chất hydrocarbon, HFO trong lĩnh vực sản xuất xốp cách nhiệt;

- Quy định hướng dẫn về loại trừ HCFC, trong đó gồm: kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu các chất HCFC; khuyến cáo hạn chế lắp đặt mới các thiết bị sử dụng HCFC; khuyến cáo không mở rộng sản xuất thiết bị dùng HCFC.

9.3. Tài liệu, giáo trình hướng dẫn:

- An toàn cháy, nổ trong việc vận hành sản xuất xốp sử dụng công nghệ hydrocarbon;

- Môi chất lạnh có tính cháy, nổ sử dụng trong lĩnh vực làm lạnh và điều hòa không khí.

9.4. Trang bị kỹ thuật:

- Bộ đồ nghề giảng dạy về môi chất lạnh có tính cháy, nổ như HFC-32, HC-290 cung cấp cho khoảng 60 trường dạy nghề trên cả nước, nhằm mục đích huấn luyện, đào tạo học viên, thợ sửa chữa điện lạnh về thao tác, xử lý môi chất lạnh có tính cháy, nổ;

- Bộ đồ nghề sửa chữa, bảo dưỡng cung cấp cho khoảng 100 cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng điều hòa không khí, thiết bị lạnh sử dụng môi chất lạnh có tính cháy, nổ;

- Khoảng 20 máy dò môi chất lạnh phát cho các doanh nghiệp sử dụng thiết bị làm lạnh công nghiệp.

9.5. Đào tạo, tập huấn:

- Kỹ thuật chống rò rỉ các chất HCFC trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng



cho doanh nghiệp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lạnh;

- Quản lý xuất nhập khẩu các chất HCFC cho cán bộ quản lý xuất nhập khẩu của Bộ Công Thương;

- Kiểm soát xuất nhập khẩu các chất HCFC cho cán bộ hải quan;

- An toàn cháy, nổ cho cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy các trường nghề và công nhân sản xuất của các doanh nghiệp.

- Nâng cao nhận thức về loại trừ HCFC.

9.6. Trao đổi, học tập kinh nghiệm:

- Công nghệ thay thế các chất HCFC trong lĩnh vực làm lạnh, điều hòa không khí và sản xuất xốp tại nước ngoài;

- Chuyển đổi và vận hành công nghệ sử dụng môi chất lạnh có tính cháy, nổ trong sản xuất điều hòa không khí gia dụng.

9.7. Báo cáo của tư vấn:

- Đề xuất Tiểu dự án của các doanh nghiệp tham gia dự án và Hồ sơ về các biện pháp an toàn để nộp cho cơ quan quản lý địa phương cho từng lĩnh vực: điều hòa không khí, làm lạnh và sản xuất xốp;

- Thẩm định đề xuất kỹ thuật và tài chính Tiểu dự án của các doanh nghiệp tham gia dự án;

- Phân loại các trường/trung tâm dạy nghề và cơ sở dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị lạnh;

- Biện pháp cải thiện hiệu suất năng lượng tại các doanh nghiệp sử dụng thiết bị làm lạnh công nghiệp;

- Kiểm toán số liệu lượng tiêu thụ các chất HCFC cho các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021;

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các tiểu dự án;

- Kiểm toán tài chính dự án.

9.8. Báo cáo của Ban Quản lý dự án:

- Hồ sơ đề xuất Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn III trình Quỹ Đa phương;

- Hồ sơ đề nghị quyết toán dự án hoàn thành.

10. Cơ chế tài chính

10.1. Nguồn vốn Ngân hàng Thế giới viện trợ không hoàn lại: Ngân sách Nhà nước cấp phát.

10.2. Vốn đối ứng:

- Vốn đối ứng bằng tiền mặt: Bố trí trong dự toán chi sự nghiệp của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vốn đối ứng bằng hiện vật: Cục Biến đổi khí hậu bố trí, sắp xếp cơ sở vật chất hiện có đảm bảo thực hiện Dự án.

- Vốn đối ứng của các doanh nghiệp tham gia Dự án: Các doanh nghiệp tự bố trí vốn đối ứng cho các hạng mục và hoạt động không được Ngân hàng Thế giới tài trợ.

Điều 2. Giao Cục Biến đổi khí hậu phối hợp các đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để trình Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi các cấp có thẩm quyền ký kết Hiệp định tài trợ; thành lập Ban quản lý Dự án và tổ chức triển khai các hoạt động của Dự án theo đúng quy định hiện hành của pháp luật và nội dung Văn kiện Dự án đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Hợp tác quốc tế, Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Lưu: VT, VP(TH), HTQT.

 

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà

